

## THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH THEO TIẾP CẬN CDIO

Phạm Thị Huyền

*Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Vinh*

**Tóm tắt.** Tiếp cận CDIO là một sáng kiến mới cho giáo dục, là một hệ thống các phương pháp và hình thức tích lũy tri thức, kỹ năng trong việc đào tạo sinh viên để đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp và xã hội, Trường Đại học Vinh (ĐH Vinh) đã xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục mầm non (GDMN) theo cách tiếp cận này trong 5 năm qua với 2 giai đoạn cùng các bước triển khai và các yêu cầu cụ thể. Bài viết trình bày những ưu điểm của xây dựng chương trình đào tạo ngành GDMN theo tiếp cận CDIO, những thành công và hạn chế của quá trình triển khai và thực hiện, từ đó đề xuất một số khuyến nghị cho việc xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo ngành GDMN.

**Từ khóa:** CDIO, tiếp cận CDIO, Chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO, ngành Giáo dục mầm non.

### 1. Mở đầu

Vào những năm 80 của thế kỉ XX, các trường đại học ở các nước phát triển bắt đầu nhận ra khoảng cách ngày càng lớn giữa năng lực của những kĩ sư mới tốt nghiệp với những đòi hỏi thực tế của các ngành kĩ thuật. Sự tiên bộ mạnh mẽ của kĩ thuật đòi hỏi người kĩ sư phải có những năng lực trí tuệ và kĩ năng đặc thù của nghề nghiệp cần thiết để làm chủ được sự tiến bộ đó. Để đạt được điều này, các chương trình đào tạo (CTĐT) cần phải được xây dựng lại theo hướng tiếp cận phù hợp hơn, nhấn mạnh nền tảng kĩ thuật trong bối cảnh Hình thành Ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành (Conceiving – Designing – Implementing – Operating) các hệ thống và sản phẩm thực tế. Từ đó cụm từ CDIO ra đời. Đến nay nó đã có sức sống trong hệ thống các trường Đại học trên thế giới. Khi tới Việt Nam, đề xướng CDIO đã được các trường Khoa học tự nhiên và kĩ thuật áp dụng, triển khai áp dụng trong việc đổi mới xây dựng chương trình và phương pháp giảng dạy. Năm 2012, Hội nghị toàn quốc tại thành phố Hồ Chí Minh về “Đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế CDIO” đã thu hút nhiều trường đại học tham gia. Trong đó, chủ yếu là các báo cáo của các trường đại học đã áp dụng mô hình CDIO như: Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh (áp dụng từ 2010), Đại học Quốc gia Hà Nội (áp dụng từ năm học 2012-2013), Đại học Thái nguyên (áp dụng từ 2012), Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh (áp dụng từ 2010 [1]). Hầu hết các báo cáo đề chỉ ra những điều đã làm được theo tiếp cận CDIO, cũng như một số khó khăn vướng mắc còn gặp phải trong giai đoạn đầu của sự chuyển đổi. Cùng nhau chia sẻ những kinh nghiệm quý báu để đưa CDIO vào đào tạo ngày càng hiệu quả.

Từ thực tiễn triển khai và áp dụng CDIO trong nước và trên thế giới đã cho thấy: CDIO là một sáng kiến mới cho giáo dục, là một hệ thống các phương pháp và hình thức tích lũy tri thức, kĩ năng trong việc đào tạo sinh viên để đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp và xã hội. Việc đào tạo

theo CDIO sẽ đem lại các lợi ích: 1/ Đào tạo theo CDIO gắn với nhu cầu người tuyển dụng, thu hẹp khoảng cách giữa công tác đào tạo và yêu cầu của nhà sử dụng nhân lực; 2/ Giúp người học phát triển toàn diện với các “kỹ năng cứng” và “kỹ năng mềm” nhằm thích ứng môi trường làm việc luôn thay đổi; 3/ Giúp các chương trình đào tạo được xây dựng và thiết kế theo quy trình chuẩn; 4/ Đây là cách tiếp cận phát triển, gắn phát triển chương trình với chuyển tải và đánh giá hiệu quả giáo dục đại học. Do vậy, CDIO không còn là cách tiếp cận trong phát triển chương trình đào tạo cho các khối ngành kỹ thuật, mà còn cho các khối ngành khoa học xã hội [2].

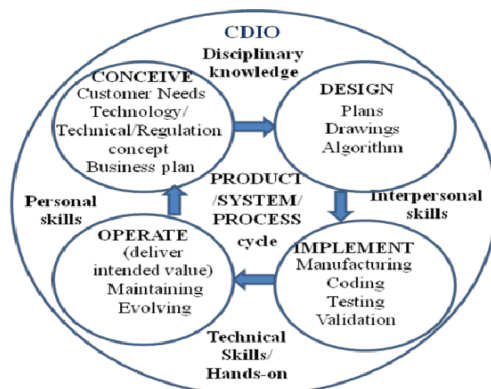
Nhận thức được giá trị trong tiếp cận CDIO, 5 năm qua (từ 2016 đến 2021), Trường Đại học Vinh đã chuyển đổi chương trình đào tạo cho tất cả các khối ngành theo cách tiếp cận này và đã thu được những giá trị thiết thực. Riêng đối với ngành Giáo dục mầm non, Trường Đại học Vinh đã có hơn 20 năm đào tạo, đã trải qua nhiều lần xây dựng CTĐT theo các cách tiếp cận khác nhau. Sản phẩm đào tạo được xã hội đánh giá chất lượng tốt, sinh viên tốt nghiệp hầu hết có việc làm và có nhiều cơ hội phát triển nghề nghiệp. Tuy nhiên, với xu thế hội nhập nói chung, ảnh hưởng giáo dục toàn cầu nói riêng đối với các mô hình, loại hình giáo dục mầm non. Thách thức lớn đặt ra đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp là phải làm chủ được mọi tình huống sự phạm trong những môi trường làm việc khác nhau. Vì vậy, việc giúp sinh viên vững vàng trong quá trình hội nhập đó thì nhiệm vụ trang bị kiến thức, hình thành và rèn luyện năng lực thiết kế, ứng dụng, xử lý các sản phẩm sự phạm là rất cần thiết. Ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Vinh đã lựa chọn cách tiếp cận CDIO trong phát triển chương trình đào tạo để phù hợp với xu thế hội nhập và phát triển giáo dục đào tạo hiện nay.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Bản chất và ưu điểm trong xây dựng chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO

#### 2.1.1. CDIO là gì?

CDIO là cụm từ viết tắt tiếng Anh: Conceive-Design-Implement-Operate, có nghĩa là: Hình thành ý tưởng - Thiết kế ý tưởng - Triển khai - Vận hành. Về bản chất, CDIO là một giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội trên cơ sở xác định chuẩn đầu ra, từ đó thiết kế chương trình và kế hoạch đào tạo. Quy trình CDIO được xây dựng một cách khoa học, hợp lý, logic, có thể áp dụng cho nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau [2].



Nguồn gốc của CDIO là một hệ thống phương pháp phát triển chương trình đào tạo kỹ sư, nhưng về bản chất thì đây là một quy trình đào tạo *căn cứ vào chuẩn đầu ra (outcome-based)* để thiết kế chuẩn đầu vào. Quy trình này được xây dựng đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn chặt chẽ.

Mục tiêu đào tạo theo CDIO là hướng tới việc giúp sinh viên có được kỹ năng cứng và kỹ năng mềm cần thiết khi ra trường, nhằm đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của xã hội cũng như bắt nhịp được với những thay đổi vốn rất nhanh của thực tiễn đời sống xã hội. Những sinh viên giỏi có thể làm chủ, điều chỉnh phương pháp học theo hướng tích cực [3].

Về tổng thể, CDIO có thể áp dụng để xây dựng quy trình chuẩn cho nhiều lĩnh vực đào tạo khác, bởi lẽ nó đảm bảo cho sự phát triển năng lực của sinh viên, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và đòi hỏi của xã hội. Cho nên, có thể nói, CDIO thực chất là một giải pháp nâng cao chất lượng

đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội, trên cơ sở xác định chuẩn đầu ra, từ đó thiết kế chương trình và kế hoạch đào tạo một cách hiệu quả.

### **2.1.2. Ưu điểm của tiếp cận CDIO trong xây dựng chương trình đào tạo**

Theo cách tiếp cận CDIO, khi xây dựng và nâng cấp các chương trình đào tạo phải tuân thủ các quy trình chặt chẽ, từ khâu xây dựng chuẩn đầu ra (CĐR), thiết kế khung chương trình, chuyên tải khung chương trình vào thực tiễn và đánh giá kết quả học tập của sinh viên cũng như toàn bộ chương trình đào tạo. Việc tiếp cận theo CDIO trong đào tạo có những ưu điểm sau đây:

- Đào tạo theo cách tiếp cận CDIO gắn với nhu cầu của người tuyển dụng, từ đó giúp thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực;

- Đào tạo theo cách tiếp cận CDIO sẽ giúp các chương trình đào tạo được xây dựng và thiết kế theo một quy trình chuẩn. Các công đoạn của quá trình đào tạo sẽ có tính liên thông và gắn kết chặt chẽ;

- Cách tiếp cận CDIO là cách tiếp cận phát triển, gắn phát triển chương trình với chuyên tải và đánh giá hiệu quả giáo dục đại học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học lên một tầm cao mới.

Đối với người học, đào tạo theo tiếp cận CDIO đem lại nhiều lợi ích:

- *Học tập tích hợp và trải nghiệm chủ động*: Theo cách tiếp cận CDIO, sinh viên sẽ có được các kỹ năng cá nhân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, các kỹ năng kiến tạo sản phẩm, xây dựng quy trình và hệ thống cùng với kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thực hành chuyên nghiệp. Người ta gọi đó là học tập tích hợp, học tập tích hợp có ưu điểm là cho phép sinh viên sử dụng kép thời gian để vừa học kiến thức, vừa học kỹ năng ứng dụng chuyên ngành

- *Tạo ra nguồn nhân lực có kỹ năng cao*: Đào tạo theo tiếp cận CDIO giúp gắn kết được khả năng làm việc của sinh viên với yêu cầu của người tuyển dụng, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa việc đào tạo của nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực; giúp người học phát triển toàn diện để nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc luôn thay đổi và thậm chí là đi đầu trong việc thay đổi đó;

## **2.2. Thực tiễn xây dựng chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận CDIO tại trường Đại học Vinh**

### **2.2.1. Bối cảnh xây dựng chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO của Trường Đại học Vinh**

Đứng trước những thách thức về đổi mới trong đào tạo, tháng 10/2015, Trường Đại học Vinh đã bắt đầu lên ý tưởng xây dựng chương trình đào tạo theo CDIO và tiến hành nghiên cứu sâu về CDIO. Sau khi nhận được sự tư vấn của các chuyên gia về CDIO, ngày 8/3/2016, Trường Đại học Vinh đã thành lập Ban xây dựng đề án, nghiên cứu lí luận và chỉ đạo phát triển chương trình đào tạo cho tất cả các ngành đào tạo theo CDIO.

Sau 3 lần tổ chức tập huấn về CDIO và tham gia hội nghị Vùng CDIO tại Thái Lan, Trường Đại học Vinh đã công bố chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra vào tháng 4/2017. Được sự hỗ trợ của các chuyên gia trong và ngoài nước, đặc biệt là các chuyên gia của Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tổng hợp Uppsala (Thụy Điển), Trường Đại học Vinh đã bước đầu áp dụng chương trình đào tạo theo CDIO từ khóa 58 (2017-2021).

Trong thời gian từ ngày 12/3 đến ngày 14/3/2018, đoàn công tác của Trường Đại học Vinh đã tham dự Hội nghị Vùng CDIO tại Đà Nẵng và đã trình bày hồ sơ xin gia nhập với Hiệp hội CDIO [4]. Tại Hội nghị, đã có 5 trường đại học của Việt Nam và một số quốc gia khác gửi hồ sơ xin gia nhập Hiệp hội CDIO quốc tế. Với những nỗ lực không ngừng trong việc cải tiến chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá theo chuẩn CDIO và các chương trình hoạt động khác nhằm đổi mới giáo dục và đào tạo, Trường Đại học Vinh đã được Hội đồng các thành viên CDIO quốc tế đánh giá cao. Sau khi xem xét hồ sơ năng lực và nghe

trình bày quá trình áp dụng CDIO tại Trường Đại học Vinh, các thành viên của Hiệp hội CDIO đã chính thức chấp nhận Trường Đại học Vinh là 01 trong 03 thành viên mới đợt này của Hiệp hội vào ngày 14/3/2018, trong đó Trường Đại học Vinh là trường duy nhất của Việt Nam và 2 trường còn lại là của nước ngoài.

Sự ghi nhận của Hiệp hội CDIO là một thành công và là bước tiến quan trọng của Nhà trường, làm động lực cho Trường Đại học Vinh tiếp tục phấn đấu, phát triển và hội nhập quốc tế trong thời đại mới. Từ đó đến nay, Trường Đại học Vinh không ngừng hoàn thiện các chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO. Trong bối cảnh đó, ngành GDMN cũng không ngoại lệ.

### 2.2.2. Quy trình xây dựng và vận hành chương trình đào tạo ngành GDMN

Giai đoạn 1: Xây dựng mới CTĐT theo tiếp cận CDIO

Giai đoạn 2: Rà soát, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CDIO

#### a. **Giai đoạn 1:** Xây dựng mới CTĐT theo tiếp cận CDIO [5]

**Bước 1:** Xây dựng CĐR, khung CTĐT ngành đào tạo

-Thời gian thực hiện: Tháng 01/2016- 12/ 2016

- Cách triển khai:

- + Tham dự tập huấn xây dựng CĐR CTĐT tiếp cận CDIO
- + Xây dựng bản thảo CĐR CTĐT, Khung năng lực, Chương trình đào tạo
- + Khảo sát các bên liên quan (Trường Đại học, Cơ sở quản lí ngành GDMN, trường MN, cựu sinh viên và sinh viên ngành GDMN). Xử lí kết quả khảo sát.

+ Chỉnh sửa, hoàn thiện CĐR CTĐT và khung chương trình ĐT.

+ Nghiệm thu và công bố các sản phẩm liên quan CĐR CTĐT, khung CTĐT

-Sản phẩm:

+ CĐR ngành GDMN (gồm 4 CĐR cấp độ 1; 17 CĐR cấp độ 2; 73 CĐR cấp độ 3)

Ví dụ về CĐR cấp độ 1 và 2 [6]:

<b>1.</b>	<b>KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH</b>
1.1.	Kiến thức chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội
1.2.	Kiến thức cơ sở ngành
1.3	Kiến thức chuyên ngành
<b>2.</b>	<b>KĨ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>
2.1.	Nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề
2.2.	Nghiên cứu và khám phá tri thức khoa học
2.3.	Tư duy hệ thống
2.4.	Kĩ năng và phẩm chất cá nhân
2.5	Kĩ năng và phẩm chất nghề nghiệp
<b>3.</b>	<b>KĨ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</b>
3.1.	Kĩ năng làm việc nhóm
3.2.	Kĩ năng giao tiếp
3.3.	Kĩ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ
<b>4.</b>	<b>NĂNG LỰC PHÁT HIỆN, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON</b>
4.1.	Hiểu bối cảnh xã hội

4.2.	Hiểu bối cảnh giáo dục mầm non
4.3.	Hình thành ý tưởng hoạt động giáo dục mầm non
4.4.	Thiết kế hoạt động giáo dục mầm non
4.5.	Thực hiện chương trình Giáo dục mầm non
4.6.	Đánh giá và cải tiến chương trình Giáo dục mầm non

+ Khung CTĐT ngành GDMN gồm 36 học phần với 125 tín chỉ, trong đó:

*Khối kiến thức giáo dục đại cương: 30 tín chỉ, gồm:*

Kiến thức đại cương chung: 20 tín chỉ

Kiến thức đại cương khối ngành: 10 tín chỉ

*Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 95 tín chỉ, gồm:*

Kiến thức cơ sở ngành: 27 tín chỉ

Kiến thức chuyên ngành: 68 tín chỉ

**Bước 2:** Xây dựng các học phần theo tiếp cận CDIO

- Thời gian thực hiện: tháng 3/ 2017 – tháng 12/2019

- Cách triển khai: Tiến hành các năm theo hình thức “cuốn chiếu” theo các gói sản phẩm

Gói 1: Gồm các học phần chung và cơ sở ngành

Gói 2: Gồm các học phần thuộc khối chuyên ngành (bắt buộc)

Gói 3: Gồm các học phần thuộc khối tự chọn

- Sản phẩm:

+ CDR học phần theo CDIO

+ Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết

+ Đề cương bài giảng

+ Ma trận ngân hàng đề thi trắc nghiệm giữa kì và cuối kì

+ Bộ ngân hàng câu hỏi thi

+ Nghiệm thu các sản phẩm phục vụ giảng dạy, đánh giá các học phần

**Bước 3:** Tổ chức thực hiện các học phần đào tạo

- Thời gian: từ T9/2017 – T5/2021

- Số lượng học phần đã tổ chức giảng dạy cho ngành: 36 học phần/125 tín chỉ

- Cách triển khai:

+ Tập huấn cho giảng viên sử dụng LMS trong quản lí quá trình giảng dạy.

+ Tổ chức dạy học tất cả học phần (áp dụng từ khóa 58 đến K61)

+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học phần theo các hình thức (TNKQ đối với giữa kì; tự luận hoặc đề án đối với cuối kì)

**b. Giai đoạn 2:** Rà soát, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CDIO [7]

**Bước 1:** Rà soát, điều chỉnh mục tiêu, CDR và khung CTĐT

- Thời gian: từ T01/2021-T5/2021

- Cách triển khai:

+ Rà soát lại mục tiêu và các CDR (Đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt nam và AUN-QA; CDR các trường ĐH trong nước và các nước trong khu vực, với 12 tiêu chuẩn CDIO).

+ Khảo sát các bên liên quan về mục tiêu và CDR hiện tại

+ Điều chỉnh mục tiêu và CDR cho phù hợp

+ Xây dựng ma trận các HP

- + Điều chỉnh Khung CTĐT
- Sản phẩm:
  - + Bản báo cáo về kết quả khảo sát;
  - + Bản báo cáo về kết quả đối sánh mục tiêu và CĐR.
  - + Đề cương CDIO
  - + Bản mô tả Mục tiêu (gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể) và CĐR (gồm 4 CĐR cấp độ 1, 12 CĐR cấp độ 2; 28 CĐR cấp độ 3).

Ví dụ về Mục tiêu:

**Mục tiêu tổng quát:**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học trở thành cử nhân giáo dục mầm non, có phẩm chất chính trị, đạo đức đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp; có kiến thức nền tảng, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động về giáo dục mầm non trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

**Mục tiêu cụ thể:**

**PO1.** Áp dụng được kiến thức nền tảng về chính trị, về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về giáo dục mầm non.

**PO2.** Thể hiện được kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân vào các hoạt động về giáo dục mầm non

**PO3.** Thể hiện được khả năng giao tiếp, làm việc nhóm trong các hoạt động về giáo dục mầm non

**PO4.** Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, đánh giá các hoạt động về giáo dục mầm non trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Ví dụ về CĐR (cấp độ 3)

<b>PLO1</b>	<b>KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH GDMN</b>
<b>PLO1.1</b>	<b>Kiến thức về chính trị, ngoại ngữ, tin học</b>
1.1.1	Hiểu được các quan điểm của triết học Mác-Lênin, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh.
1.1.2	Có kiến thức về ngoại ngữ, ICT để vận dụng vào hoạt động học tập và nghiên cứu.
<b>PLO1.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành</b>
1.2.1	Áp dụng được kiến thức nhập môn sư phạm vào thực tiễn trường mầm non
1.2.2	Áp dụng được kiến thức nền tảng và chuyên sâu của khoa học tâm lý - giáo dục vào các hoạt động giáo dục mầm non.
1.2.3	Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và chuyên ngành về chăm sóc-giáo dục trẻ vào học tập và rèn luyện nghề để phát triển năng lực chuyên môn.
<b>PLO2</b>	<b>PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP</b>
<b>PLO2.1</b>	<b>Trách nhiệm công dân và phẩm chất đạo đức của nhà giáo dục mầm non</b>
2.1.1	Có phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân
2.1.2	Đáp ứng yêu cầu đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo dục mầm non
<b>PLO2.2</b>	<b>Nghiên cứu khoa học về các vấn đề giáo dục mầm non</b>

2.2.1	Có khả năng phát hiện vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non
2.2.2	Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và ICT vào giải quyết vấn đề nghiên cứu về giáo dục mầm non
<b>PLO2.3</b>	<b>Nghiệp vụ sư phạm về giáo dục mầm non</b>
2.3.1	Lập kế hoạch các hoạt động giáo dục mầm non
2.3.2	Có kỹ năng thực hiện các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non
2.3.3	Xử lý được các tình huống sư phạm trong giáo dục mầm non
<b>PLO2.4</b>	<b>Nhận diện và giải quyết một số vấn đề liên quan đến giáo dục mầm non.</b>
2.4.1	Nhận diện được mối quan hệ của bối cảnh xã hội và giáo dục mầm non
2.4.2	Giải quyết được một số vấn đề liên quan đến hoạt động giáo dục mầm non
<b>PLO2.5</b>	<b>Năng lực thích ứng với sự thay đổi trong giáo dục mầm non</b>
2.5.1	Có khả năng phát triển chương trình giáo dục mầm non
2.5.2	Có khả năng thích ứng nhanh và tiếp cận với những vấn đề hiện đại, tiên tiến trong giáo dục mầm non
2.5.3	Áp dụng những thành tựu mới của khoa học giáo dục
<b>PLO3</b>	<b>NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ LÀM VIỆC NHÓM</b>
<b>PO3.1</b>	<b>Giao tiếp</b>
3.1.1	Xác định được cấu trúc, nội dung, cách thức và phương tiện giao tiếp phù hợp với hoạt động giáo dục mầm non
3.1.2	Thể hiện việc giao tiếp phù hợp, tự tin khi tương tác với các lực lượng giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt
3.1.3	Đạt tiếng Anh B1 và có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp
<b>PLO3.2</b>	<b>Làm việc nhóm</b>
3.2.1	Có khả năng thành lập và vận hành các nhóm cộng tác trong học tập, nghiên cứu khoa học về giáo dục mầm non
3.2.2	Có khả năng lãnh đạo và phát triển các nhóm cộng tác trong hoạt động học tập và nghiên cứu về giáo dục mầm non
<b>PLO4</b>	<b>NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG VỀ GIÁO DỤC MẦM NON</b>
<b>PLO4.1</b>	<b>Thể hiện khả năng hình thành ý tưởng hoạt động về giáo dục mầm non</b>
4.1.1	Đề xuất được những ý tưởng mới về hoạt động giáo dục mầm non
4.1.2	Lập kế hoạch cho việc triển khai ý tưởng
<b>PLO4.2</b>	<b>Thiết kế và thực hiện các hoạt động về giáo dục mầm non</b>
4.2.1	Thiết kế được hoạt động giáo dục mầm non
4.2.2	Thực hiện được hoạt động giáo dục mầm non
<b>PLO4.3</b>	<b>Đánh giá và cải tiến được các hoạt động về giáo dục mầm non</b>
4.3.1	Đánh giá được hoạt động giáo dục mầm non
4.3.2	Cải tiến được hoạt động giáo dục mầm non

+ Khung CTĐT: 38 học phần/126 tín chỉ (trong đó khối kiến thức chung toàn trường là 21 tín chỉ; khối kiến thức chung khối ngành và nhóm ngành 24 tín chỉ; còn lại là số tín chỉ dành cho ngành đào tạo).

Hiện nay sản phẩm này đã hoàn thiện.

**Bước 2:** Rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần

- Thời gian: Từ tháng 6/2021-tháng 12/2021

- Cách triển khai:

+ Phân công cho các giảng viên phụ trách học phần theo nguyên tắc: 1 học phần có ít nhất 2 GV, 1 Gv tham gia ít nhất 2 học phần.

+ Bám vào các văn bản chỉ đạo của nhà trường về mẫu đề cương chi tiết học phần

+ Tổ chức nghiệm thu sản phẩm theo các khối kiến thức (Hội đồng cấp Khoa)

+ Hoàn thiện đề cương chi tiết các học phần

+ Hoàn thiện bản mô tả chương trình đào tạo

+ Triển khai thực hiện từ K62 (Khóa 2021-2024)

- Sản phẩm:

+ Bản mô tả chương trình đào tạo

+ Đề cương chi tiết các học phần

Đến nay, chúng tôi đang dần hoàn thiện các sản phẩm theo hình thức “cuốn chiếu”

### **2.2.3. Thuận lợi và khó khăn của quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành GDMN theo tiếp cận CDIO**

#### **2.2.3.1. Thuận lợi**

\* Ở giai đoạn 1:

- Nhà trường thành lập Ban chuyên gia về CDIO. Tổ chức nhiều đợt tập huấn do các chuyên gia hàng đầu về CDIO làm việc tại Việt nam hoặc trên thế giới. Các chuyên gia này hướng dẫn trực tiếp cách xây dựng CĐR, khung chương trình đào tạo và cách đánh giá hoạt động đào tạo CDIO. Nguồn tài liệu chính thống cần thiết cũng được trang bị, cung cấp tương đối đầy đủ.

- Nhà trường luôn có những chính sách tương đối tốt; tạo cơ chế thuận lợi cho công tác triển khai. Đặc biệt chính sách này được thực hiện ở giai đoạn đầu – giai đoạn xây dựng Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

- Các đối tượng được tham gia lấy ý kiến về CĐR CTĐT, khung CTĐT khá sát sao và có trách nhiệm chia sẻ thông tin cần thiết, phù hợp, hữu ích, sát thực.

- Trong quá trình thực hiện xây dựng CĐR chương trình đào tạo, Ban cố vấn chuyên môn CDIO của nhà trường và Khoa luôn bám sát kiểm tra, góp ý các sản phẩm, nhờ vậy mà Bộ CĐR CTĐT, Khung chương trình có sản phẩm đúng thời hạn và đáp ứng đúng, đủ yêu cầu.

- Chương trình đào tạo ngành GDMN theo tiếp cận CDIO tinh giản số lượng học phần và số tín chỉ so với các chương trình trước đây và có xu hướng liên thông chương trình với các ngành đào tạo cùng nhóm ngành.

- Đội ngũ cán bộ giảng viên tham gia xây dựng CTĐT đã nhận thức đúng tầm quan trọng và tính cấp thiết về yêu cầu thời gian và tính chất công việc nên đã tập trung tìm hiểu, phân tích, xây dựng nội dung CĐR CTĐT...

- Ngành GDMN đã thực hiện khá nghiêm túc và đạt chất lượng tốt các sản phẩm CĐR, đề cương chi tiết, đề cương bài giảng, ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm cho các học phần phục vụ cho 3 học kì đầu của khóa 58.



- Trước những yêu cầu về việc đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá học phần, giảng viên đã nỗ lực tiếp cận thông tin, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm bằng các cemina cấp trường/ cấp khoa/cấp bộ môn, dự các giờ dạy tiếp cận CDIO trong toàn trường. Đồng thời quá trình xây dựng CĐR học phần và đề cương chi tiết, các giảng viên đã bám sát CĐR chương trình đào tạo để cụ thể hóa nhiệm vụ, nội dung giảng dạy và quá trình kiểm tra, đánh giá. Kết quả là các hoạt động tự học, làm việc nhóm của sinh viên có số lượng và chất lượng vượt trội so với cách thức đào tạo theo tín chỉ trước đây.

\* Ở giai đoạn 2:

- Trên cơ sở các sản phẩm của giai đoạn 1, giai đoạn 2 chủ yếu tập trung vào nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh theo những yêu cầu mới.

- Giảng viên có nhiều kinh nghiệm nên việc chỉnh sửa các vấn đề về mục tiêu, CĐR, khung CTĐT, đề cương chi tiết các học phần được thực hiện nhanh, đáp ứng yêu cầu của nhà trường.

### **2.2.3.2. Khó khăn, thách thức**

Nhìn lại chặng đường 01 khóa đào tạo đã hoàn chỉnh cùng với các khóa đào tạo đang tiếp tục triển khai theo tiếp cận CDIO, chúng tôi nhận thấy bên cạnh những thuận lợi thì cũng có rất nhiều khó khăn, thách thức.

- Đối với các ngành đào tạo nói chung và GDMN nói riêng, việc xây dựng CĐR CTĐT gặp khó khăn. Việc mô tả các CĐR về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất cá nhân... còn chưa chuẩn xác và tường minh với các mục tiêu đào tạo theo CDIO, đặc biệt là CĐR cấp độ 3 và cấp độ 4. Dẫn đến có nhiều CĐR không thực hiện được trong quá trình đào tạo.

- Yếu tố con người quyết định cho sự thành công của CTĐT theo tiếp cận CDIO, đó chính là sự đồng thuận, quyết tâm, tâm huyết của đa số giảng viên. Tuy nhiên thực tế, sự quan tâm của giảng viên về tiếp cận phương pháp giảng dạy này chưa cao. Nhiều giảng viên thụ động, giao việc mới làm, hoặc có tâm lí đến đâu hay đó nên nhiều vấn đề về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học CDIO chưa am hiểu đầy đủ, chuẩn xác hoặc cũng chưa nắm vững quy trình của CDIO.

- Việc xây dựng khung CTĐT ngành GDMN có những bất cập, chưa đảm bảo tính chất đặc thù của ngành nghề. Cụ thể là một số học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được ghép chung với ngành sư phạm Giáo dục Tiểu học. Việc thống nhất các học phần chung giữa hai ngành có trở ngại nhất định. Thực tế, việc triển khai các nội dung giảng dạy ở các học phần này giữa hai ngành đào tạo có những yêu cầu khác nhau về mức độ rộng hẹp, nông sâu phù hợp với mỗi ngành. Cũng vì vậy, việc tổ chức dạy học cho các học phần ở hai ngành GDMN và GDTH gặp trở ngại nhất định khi sinh viên hai ngành bố trí học chung các học phần này.

- Thời gian thực hiện việc xây dựng CĐR, khung CTĐT và hoàn chỉnh các học phần còn quá eo hẹp. Yêu cầu sản phẩm đào tạo nhiều, mới, lại được thực hiện trong bối cảnh giảng viên còn gặp lúng túng về những kỹ năng thao tác, nên đã tạo ra áp lực, và vì thế sản phẩm phục vụ đào tạo chưa có sự sáng tạo, linh hoạt.

- Sĩ số lớp học phần đang ở tình trạng quá cao (70 – 80 sinh viên/lớp). Thực tế này ảnh hưởng đến việc giám sát các kết quả học tập của sinh viên, như hoạt động làm việc nhóm, đánh giá ý thức học tập tại lớp của sinh viên.

- Đổi mới phương pháp dạy học thật sự chưa đi sâu trong mỗi giờ dạy của đội ngũ giảng viên. Việc thực hiện phương pháp dạy học phát triển năng lực người học còn chưa thường xuyên.

## **2.3. Bài học kinh nghiệm**

Để xây dựng CTĐT ngành GDMN theo tiếp cận năng lực không chỉ riêng đối với trường ĐH Vinh (Trường ĐH Vinh lựa chọn tiếp cận CDIO) mà nhiều trường đại học hiện nay cần phải:

- Có lộ trình cụ thể;

- Có các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn rõ ràng;
- Giao cho ngành/cá nhân (trong đó người chịu trách nhiệm chính phải là người có trách nhiệm, hiểu về đặc trưng ngành đào tạo, có năng lực phát triển chương trình đào tạo);
- Không triển khai ồ ạt, đồng loạt;
- Nghiệm thu, điều chỉnh các sản phẩm theo các giai đoạn;
- Phù hợp với các lớp sinh viên có số lượng ít;
- Thay đổi phương pháp dạy học theo mô hình “lớp học đảo ngược”;
- Thay đổi cách đánh giá học phần, chú trọng đánh giá quá trình.

#### **2.4. Đề xuất, khuyến nghị**

- Tiếp tục tổ chức các đợt sinh hoạt học thuật về đào tạo CDIO nhằm củng cố, tăng cường kỹ năng phát triển chương trình đào tạo cho giảng viên.
- Phân bổ số lượng sinh viên phù hợp để đảm bảo việc tổ chức hoạt động nhóm và thuận lợi cho giảng viên trong khâu đánh giá quá trình.
- Các giảng viên tham gia giảng dạy cần trang bị, phổ biến kế hoạch và phương pháp học tập cho sinh viên.
- Cần tổ chức hội nghị tập huấn kỹ năng định hướng nghề nghiệp cho sinh viên.
- Theo dõi đầu ra của sinh viên: Quan tâm năng lực nghề nghiệp thông qua nghiên cứu, thực hiện quy trình, quản lý điều phối, tư vấn, hướng dẫn; kỹ năng phẩm chất cá nhân; ngoại ngữ, tin học...
- Triển khai các đề tài/ dự án để hoàn thiện các sản phẩm của CTĐT.

### **3. Kết luận**

Từ những ngày đầu, khi xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO, các khó khăn gây cản trở cho việc hoàn thiện các sản phẩm. Khi đi vào triển khai thực hiện cũng nhiều bất cập. Song, sau một khóa đào tạo hoàn chỉnh (K58), chúng tôi đã nhìn nhận, đánh giá lại toàn bộ các sản phẩm và quá trình triển khai, đã nhận ra các ưu điểm và hạn chế của chương trình. Đây là điều không tránh khỏi trong quá trình vận hành. Việc nhà trường cho phép rà soát, điều chỉnh chương trình sau một khóa đào tạo đã giúp chương trình đào tạo trở nên hoàn thiện hơn. Càng ngày chúng tôi càng nhận thấy rằng: xây dựng chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO là một tiếp cận đúng đắn.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Kỉ yếu Hội nghị CDIO toàn quốc 2012, Đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế CDIO. <http://lib.vinhuni.edu.vn/DATA/62/upload/493/documents/2016/03/file11.pdf>.
- [2] <https://tdmu.edu.vn/cdio/tong-quan-cdio-1/tong-quan-ve-cdio>. Tổng quan về CDIO.
- [3] <https://www.caodangvietmy.edu.vn/cdio-xu-huong-giang-day-hien-dai>. CDIO là gì? Xu hướng giảng dạy hiện đại.
- [4] <http://vinhuni.edu.vn/cdio>. Trường Đại học Vinh chính thức trở thành thành viên Hiệp hội CDIO quốc tế.
- [5] Trần Thị Hoàng Yến, 2016. Nghiên cứu xây dựng Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non, Đề tài NCKH&CN cấp trường trọng điểm Đại học Vinh, tr.10-12.
- [6] Trường Đại học Vinh, 2017. Bản đặc tả chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non, Ban hành kèm Quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, tr. 3-8.

- [7] Phạm Thị Huyền, 2021. Nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận CDIO, Quyết định số 1275/QĐ-ĐHV, Đề tài NCKH&CN cấp trường trọng điểm Đại học Vinh, tr. 3-4.

### ABSTRACT

#### **The real and experience build a Preschool Education Curriculum at Vinh University according to the CDIO approach**

Pham Thi Huyen

*Faculty of Preschool Education, Vinh University*

Recognizing that CDIO approach is a new initiative for education, a system of methods and forms of accumulation of knowledge and skills in training students to meet the requirements of professional and social standards, Vinh University has developed a Preschool Education Curriculum under this approach during the past 5 years with 2 phases with implementation steps and specific requirements. The article presents the advantages of building Preschool Education Curriculum according to the CDIO approach, the successes and limitations of the implementation and implementation process, thereby proposing some recommendations for the development and improvement, advance the training program in the field of Preschool Education Curriculum.

**Keywords:** CDIO, the CDIO approach, Curriculum according to the CDIO approach, Preschool Education Major.